

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT NỐI CP BOOKING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT NỐI CP BOOKING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109983492

**3. Ngày thành lập:** 29/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô A1/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0931513943

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống Năng lượng Xanh - Điện mặt trời, điện gió                                                                                                                                                                                                                                     | 4329     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn nông sản (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                         | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                             | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                         | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị, thiết bị lắp đặt năng lượng xanh - Điện mặt trời, điện gió; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng | 4659     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663     |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: + Bán buôn phế liệu (không hoạt động tại trụ sở) +<br>Bán buôn phân bón (không tồn trữ hóa chất) (doanh nghiệp chỉ được kê khai kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)              | 4669     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0163     |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6201     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                         | 6202                                                         |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Cài đặt phần mềm                                                                                                                               | 6209                                                         |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                   | 6619(Chính)                                                  |
| 14. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                  | 6810                                                         |
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn bất động sản, Môi giới bất động sản                                                                                                                   | 6820                                                         |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đào tạo và chuyển giao công nghệ. (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                         | 7020                                                         |
| 17. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                                             | 4921                                                         |
| 18. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                                    | 4922                                                         |
| 19. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                                                                                                   | 4929                                                         |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                         | 4931                                                         |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                            | 4932                                                         |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                     | 5225                                                         |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)                                                                                 | 5229                                                         |
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê                                                                                                 | 5510                                                         |
| 25. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                              | 7911                                                         |
| 26. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                       | 7912                                                         |
| 27. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                         | 7990                                                         |
| 28. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 99.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 9.900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 29/04/2022 đến ngày 29/05/2022

| STT | Tên cổ đông                          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN TẬP<br>ĐOÀN CAPEL | Số 40 Đường 62<br>TML, Phường<br>Thạnh Mỹ Lợi,<br>Thành phố Thủ<br>Đức, Thành phố<br>Hồ Chí Minh,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.336.0<br>00 | 63.360.000.000           | 64,000       | 0315785993                                                                                                             |            |
|     |                                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                      |                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                      |                                                                                                               | Tổng số                            | 6.336.0<br>00 | 63.360.000.000           | 64,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                      |                                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | HOÀNG VIỆT<br>ANH                    | 217 phố Đội Cấn,<br>Phường Liễu<br>Giai, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.465.0<br>00 | 34.650.000.000           | 35,000       | 0010900114<br>74                                                                                                       |            |
|     |                                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                      |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                      |                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                      |                                                                                                               | Tổng số                            | 3.465.0<br>00 | 34.650.000.000           | 35,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                      |                                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                         |                           |        |             |       |          |
|---|----------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|----------|
| 3 | LÃ QUỐC TRƯỞNG | Tổ 5, KP5, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 99.000 | 990.000.000 | 1,000 | C6743251 |
|   |                |                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |          |
|   |                |                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |          |
|   |                |                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |          |
|   |                |                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |          |
|   |                |                                                                         | Tổng số                   | 99.000 | 990.000.000 | 1,000 |          |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÃ QUỐC TRƯỞNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C6743251

Ngày cấp: 07/03/2019 Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Địa chỉ thường trú: thôn An Đề, Xã Bối Cầu, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 5, KP5, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội